| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2019/DS-PT
Ngày: 15/11/2019
*"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Xuân Trường;**

*Các thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền;**

Bà **Nguyễn Thị Thu Hoài;**

*Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà **Vũ Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:* Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2019/DS-PT ngày 15/7/2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1963.

Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1957.

Ông **Tạ Văn B**, sinh năm 1954.

*Đều ĐKHK và nơi cư trú:* Thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:***

**-** Ông **Nguyễn Hùng C**, sinh năm 1976.

*Địa chỉ:* Tầng 2, tòa nhà 25T1, đường Đ, phường Tr, quận Gi, thành phố Hà Nội.

- Ông **Đoàn Văn H1**, Luật sư, Văn phòng Luật sư H2 - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương.

***2. Bị đơn:*** **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã H**.

*Địa chỉ trụ sở:* Xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

***Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:*** Ông **Tống Thế Ph1**, sinh năm 1961.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Hợp tác xã.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966.

3.2 Ông **Trần Văn H3**, sinh năm 1965.

*ĐKHK và nơi cư trú:* Thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*- Theo nguyên đơn ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T và ông Tạ Văn B trình bày*: Ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình Th có tham gia vào tổ nông giang của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H. Vụ mùa năm 2017, do có một số người nghỉ không tham gia, vì vậy, ngoài ông T, ông Th, Hợp tác xã có thuê thêm ông B, ông K tham gia cùng. Nhiệm vụ của tổ nông giang là: Dẫn nước vào đồng ruộng và vệ sinh mương máng cấp 2 của thôn Ph; Dọn vệ sinh, khơi thông mương máng cấp 3 của thôn Ph, hai bên không có ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Phía Hợp tác xã có nói với các ông là trả công đưa dẫn nước vào đồng ruộng (có cả dọn vệ sinh máng cấp 2) trả 330.000đ/người/tháng. Đối với dọn vệ sinh, khơi thông mương máng cấp 3 của thôn Ph thì Hợp tác xã thống nhất trả công 1.500đ/m dài/vụ, ai làm nhiều hưởng nhiều, tính theo ngày công. Ông K là người được giao chấm công và báo với Hợp tác xã, tiền trả công dọn vệ sinh, khơi thông mương máng cấp 3 do Hợp tác xã thu từ các hộ trong thôn để trả.

Đối với công việc diệt chuột: Ngày 11/7/2017 âm lịch tổ nông giang Họp ở nhà ông H3 có ông Ph1 (Giám đốc Hợp tác xã), ông H3 (Trưởng ban kiểm soát HTX), ông Phong - Trưởng thôn Ph, ông B, ông Kỳ, ông T. Tại buổi Họp, ông Ph1 trực tiếp bảo các ông tham gia vào tổ diệt chuột cánh đồng thôn Ph để trả thêm công vì làm nông giang trả thấp quá, thỏa thuận là thu của dân là 22.000đ và trả cho tổ diệt chuột là 18.000đ/sào/vụ. Ông H3 nhận đảo mồi, ngâm thóc được nhận công riêng, lúc đó, ông K chưa vào tổ diệt chuột; 02 hôm sau ông Kỳ nghỉ, ông K vào làm thay. K ông K vào thay ông Kỳ, tổ nông giang lại Họp tại nhà ông H3 tiếp tục bàn về vấn đề nông giang và diệt chuột.

Quá trình thực hiện, sau K ông H3, tẩm thuốc, đảo mồi xong thì báo các ông đến nhận và đi thả mồi diệt chuột. Các ông cho rằng đã làm tròn trách nhiệm của người thả mồi. Vụ mùa 2017, sau khi lúa chuẩn bị gặt, Hợp tác xã cùng với thôn có đi nghiệm thu chuột phá hại, có nhờ anh em thả mồi chuột đi đo giúp bao nhiêu $m^2$ lúa bị chuột phá hại, bao nhiêu $m^2$ lúa bị phá hại do bệnh vàng lùn. Hợp tác xã và thôn ở trên ghi, còn các ông chỉ ở dưới đo và báo lên. Sau đó, hợp tác xã và thôn tổng hợp và cân đối số liệu.

Hết vụ mùa 2017, không thấy Hợp tác xã trả tiền công đưa dẫn nước, vệ sinh mương máng cấp 3 và công bỏ mồi diệt chuột, các ông có ý kiến đề nghị Hợp tác xã trả tiền công. Hợp tác xã lúc đó mới nói là không trả 03 khoản tiền trên, số tiền này trừ vào tiền bồi thường chuột phá hại lúa và yêu cầu các ông Ph1 trả thêm tiền bù vào tiền chuột phá hại lúa còn thiếu. Từ lúc này Hợp tác xã mới nói đến việc tổ diệt chuột chịu trách nhiệm lời ăn lỗ chịu trong việc diệt chuột. Ủy ban nhân dân xã H có tiến hành hòa giải giữa 02 bên, nhưng ý kiến của Ủy ban giống với ý kiến của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H, các ông không nhất trí nên không ký văn bản buổi hòa giải.

Quan điểm của ông T, ông B, ông K cho rằng tại các buổi họp tổ nông giang cũng như trong quá trình thực hiện thì Hợp tác xã không nói đến việc khoán gọn được ăn, thua chịu cho tổ diệt chuột. Các ông chỉ là người bỏ mồi thuê lấy công, nên các ông không chịu trách nhiệm việc bồi thường do chuột phá hại.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, ông B, ông T, ông K yêu cầu hợp tác xã phải trả cho các ông tổng số tiền là 49.455.000đ, trong đó: Tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 là: 4 tháng x 330.000đ/người x 3 người = 3.960.000 đồng; Tiền công dọn vệ sinh máng cấp 3 là: 17.400m x 1.500đồng/m x 3/4 người = 19.575.000 đồng; Tiền công bỏ mồi diệt chuột là: 18.000đ/sào x 2.400 sào x 3/5 người = 25.920.000 đồng.

Quá trình làm việc, tại buổi hòa giải ngày 16/4/2019 phía nguyên đơn thay đổi quan điểm, nhất trí với cách tính số tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 và dọn vệ sinh máng cấp 3 mà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H đưa ra, chỉ yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả tổng cộng số tiền là: 12.476.000đ. Trong đó: ông K là 5.188.000đ; ông T là 5.188.000đ; ông B là 2.100.000đ (Tiền công dẫn nước: Ông K 900.000đ, ông T 900.000đ, ông B 900.000đ; Tiền công vệ sinh máng cấp 2: Ông K 388.000đ, ông T 388.000đ, ông B: 0đ; Tiền công dọn vệ sinh máng cấp 3: ông B 04 công = 1.200.000đ; ông K 13 công = 3.900.000đ; ông T 13 công = 3.900.000đ). Đối với công việc bỏ mồi diệt chuột, ông B, ông T, ông K xác định mỗi người đã thực hiện 21 ngày công, yêu cầu HTX trả cho cá ông mỗi ngày công là 200.000đ/người như những người đang đi bỏ mồi diệt chuột thuê cho thôn đang được nhận hiện nay.

*- Tại báo cáo giải trình, biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi làm việc, ông Tống Thế Ph1 - đại diện Hợp tác xã trình bày:*

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H được thành lập vào tháng 6/2016 theo Luật hợp tác xã năm 2012. Nhiệm vụ chính của Hợp tác xã là làm các dịch vụ liên quan đến nông nghiệp trên địa bàn xã H. Giữa năm 2017 do nhu cầu về việc dẫn nước, khơi thông mương máng, diệt chuột phục vụ hoạt động nông nghiệp của người dân nên Ủy ban nhân dân xã H giao cho Hợp tác xã thành lập các tổ để phục vụ việc dẫn nước, khơi thông mương máng, diệt chuột phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn xã. Chi phí cho việc dẫn nước, khơi thông máng cấp 2 là do Nhà nước cấp bù kinh phí. Chi phí làm vệ sinh máng cấp 3 là do người

dân phải có trách nhiệm đóng góp. Chi phí diệt chuột cũng do người dân phải tự đóng góp, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần tiền thuốc diệt chuột. Hợp tác xã sau khi được giao đã làm việc với đại diện thôn về việc làm vệ sinh máng cấp 3 và diệt chuột. Đại diện thôn có trách nhiệm là thống nhất với người dân có ruộng, thu tiền công vệ sinh mương máng cấp 3 và diệt chuột của từng hộ dân. Hợp tác xã thì có nhiệm vụ thành lập các tổ để diệt chuột và vệ sinh mương máng, kiểm tra đôn đốc, thực hiện theo hợp đồng đã ký với đại diện các thôn. Khi thực hiện việc khơi thông mương máng thì thôn trực tiếp đi nghiệm thu cùng với hợp tác xã và đại diện tổ vệ sinh mương máng. Việc diệt chuột thì thôn, tổ diệt chuột, đại diện hộ dân có thiệt hại đi nghiệm thu, lập danh sách các hộ có thiệt hại.

- Về công việc đưa dẫn nước, vệ sinh máng cấp 2: Vụ mùa 2017, có ông T, ông B, ông K, ông Th cùng tham gia thực hiện. Hợp tác xã còn giữ 04 tháng tiền công đưa dẫn nước và vệ sinh máng cấp 2 của ông B, ông T, ông K để đối trừ với số tiền chuột gây thiệt hại cho dân vụ mùa 2017 ở thôn Ph mà phía ông B, T, K phải bồi thường, cụ thể: ông K 1.288.000đ, ông T 1.288.000đ, ông B 900.000đ (trong đó: tiền công dẫn nước: Ông K 900.000đ, ông T  900.000đ, ông B 900.000đ; tiền công vệ sinh máng cấp 2: Ông K 388.000đ, ông T 388.000đ, ông B: 0đ).

- Về công việc dọn vệ sinh máng cấp 3: Vụ mùa 2017, ông B, ông T, ông K có tham gia công việc dọn vệ sinh máng cấp 3 của thôn Ph, Hợp tác xã đã chốt lại số công và số tiền những người tham gia được hưởng, hiện tại Hợp tác xã còn giữ số tiền công dọn vệ sinh máng cấp 3 vụ mùa năm 2017 của ông B, ông T, ông K để bồi thường thiệt hại do chuột gây hại vụ mùa 2017, cụ thể giữ của: ông B 04 công = 1.200.000đ; ông K 13 công = 3.900.000đ; ông T 13 công = 3.900.000đ.

- Về công việc đánh bắt chuột: Vụ mùa năm 2017, Hợp tác xã đã hợp đồng với các thôn về việc đánh diệt chuột, theo đó, Hợp tác xã có nhiệm vụ tổ chức đánh diệt chuột trên đồng của các thôn, còn chính quyền thôn đứng ra thu tiền từ các hộ dân trong thôn để trả cho Hợp tác xã, mức thu từ các hộ dân là 22.000đ/sào/vụ. Trong đó, công thu của các thôn là 2.000đ/sào/vụ; công chỉ đạo và chi phí Hợp tác xã là 2.000đ/sào/vụ; người đánh diệt chuột hưởng 18.000đ/sào/vụ. Trường hợp để chuột gây hại cho lúa, hoa màu của dân thì Ph1 bồi thường với mức là 800.000đ/sào/vụ.

Hợp tác xã đã thành lập 03 tổ diệt chuột ở 03 thôn. Ở thôn Ph, Hợp tác xã giao cho ông H3 phụ trách, điều hành. Tổ diệt chuột thôn Ph có tổng cộng 05 người tham gia gồm ông T, ông B, ông K, ông Th, bà L. Khi thành lập các tổ diệt chuột, Hợp tác xã đã thống nhất với các tổ diệt chuột ở các thôn về việc các tổ diệt chuột phải chịu trách nhiệm đối với phạm vi được giao đánh chuột, với tinh thần được ăn, lỗ chịu. Trường hợp lúa, hoa màu của dân không bị thiệt hại do chuột gây ra thì tổ diệt chuột sẽ được hưởng theo mức ở trên. Nếu gây thiệt hại thì tổ diệt chuột phải có trách nhiệm bồi thường cho người dân có lúa, hoa mầu bị thiệt hại theo mức 800.000đ/sào/vụ. Thành viên tổ diệt chuột nếu được lãi sẽ cùng hưởng, nhưng nếu bồi thường mà lỗ thì phải cùng chịu.

Vụ mùa 2017, sau khi đi nghiệm thu tổng diện tích lúa của thôn Ph bị thiệt hại do chuột gây ra là 32.048m$^2$, sau đó một số hộ dân cho, còn lại phải lập danh sách đền bù 31.418m$^2$, tương ứng với 69.811.000đ tổ diệt chuột phải có trách nhiệm bồi thường cho dân. Tổng cả chi phí mua thóc, ngâm mồi và mua thêm thuốc là 10.160.000đ, tổng đền và chi phí là 79.971.000đ. Trừ đi tiền thu được của dân là 38.798.000đ. Tổng số tiền tổ diệt chuột còn phải bồi thường là 41.173.000đ. Hợp tác xã bù 4.117.300đ, còn lại 05 ông bà phải bồi thường 37.055.700đ. Riêng ông B, ông K, ông T phải bồi thường 22.233.420đ.

Ngày 24/12/2018, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H có đơn phản tố, yêu cầu 03 ông B, K, T phải bồi thường lại cho Hợp tác xã tổng số tiền là 22.233.420đ là phần trách nhiệm bồi thường của 03 ông đối với việc lúa thôn Ph vụ mùa 2017 bị chuột phá hại. Quan điểm của Hợp tác xã là không đồng ý việc trả tiền công dẫn nước, công dọn vệ sinh máng cấp 2 và công dọn vệ sinh máng cấp 3 mà giữ lại để bù vào phần bồi thường thiệt hại do chuột gây hại và yêu cầu 03 ông T, ông B, ông K phải bồi thường tiếp cho Hợp tác xã phần còn thiếu. Đối với ông H3, bà L, ông Th quan điểm của hợp tác xã là sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn H3 trình bày:* Ông là thành viên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H và là trưởng ban kiểm soát hợp tác xã. Ngoài ra, bản thân ông được phân công điều hành tổ dịch vụ hợp tác xã thuộc thôn Ph. Vụ mùa 2017, ông T, ông Th, ông K, ông B có tham gia tổ nông giang và thực hiện các công việc dẫn nước vào đồng ruộng, dọn vệ sinh máng cấp 2 và dọn vệ sinh máng cấp 3. Số tiền công của các ông này hiện tại Hợp tác xã đã thống nhất tạm giữ để bù tiền trả cho dân có diện tích bị chuột gây hại vụ mùa 2017.

Đối với việc đánh diệt chuột vụ mùa 2017: Ông H3 được phân công phụ trách chung cả tổ. Trong tổ có 5 người gồm ông K, ông T, ông B, ông Th và bà L là vợ ông. Quá trình làm việc các thành viên đều được trao đổi, thống nhất là tổ diệt chuột nhận khoán với hợp tác xã được ăn, lỗ chịu. Nội dung này đã được HTX (ông Ph1 đại diện) đã thông báo, thỏa thuận thống nhất cùng các thành viên tổ diệt chuột tại các buổi Họp. Vụ mùa năm 2017, do lúa thôn Ph bị chuột ăn nhiều nên phải bồi thường cho dân. Ông H3 cho rằng ông có bản hợp đồng giao khoán về việc đánh bắt chuột thủ công vụ mùa 2017 ký ngày 20/6/2017 nhưng với tư cách là đại diện tổ diệt chuột chứ không phải cá nhân ông đứng ra nhận khoán từ hợp tác xã. Quan điểm của ông H3 là trách nhiệm bồi thường là trách nhiệm của 05 thành viên trong tổ diệt chuột.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là vợ ông H3 và là thành viên tổ diệt chuột thôn Ph vụ mùa năm 2017 cùng với ông B, ông T, ông K, ông Th. Khoảng tháng 7/2017 (âm lịch) tại nhà bà, Hợp tác xã có Họp với tổ nông giang gồm ông Để, ông Th, ông T, ông Kỳ, ông H3 và trưởng thôn là ông Phong, phó thôn là ông Vinh cùng ông Ph1 là đại diện hợp tác xã. Tại buổi Họp, ông Ph1 đại diện hợp tác xã chủ trì giao nhiệm vụ cho tổ nông giang kết hợp đánh bắt chuột, thống nhất thu của dân 22.000 đồng/sào/vụ tận thu hết diện tích đất

nông nghiệp của thôn; chi công thu tiền cho chính quyền thôn 2.000 đồng/sào/vụ; chi công điều hành Hợp tác xã là 2000 đồng/sào/vụ. Còn lại 18.000 đồng/sào/vụ là tiền thuốc, thóc làm mồi, công bỏ mồi, ngâm ủ… khoán gọn cho các thành viên tổ diệt chuột, trên nguyên tắc lời ăn, lỗ chịu, chia đều quyền lợi, trách nhiệm cho các thành viên tổ chuột. Do ông Để không tham gia, hôm sau thì ông Kỳ cũng rút nên tổ đã mời thêm ông K, ông B tham gia. Tại buổi họp, ông B đắn đo K tham gia tổ. Sau K ông B, ông K đồng ý tham gia, tổ lại họp tại nhà bà và đều nói rõ và thống nhất nội dung như trên. Quá trình thực hiện, tổ diệt chuột đã thực hiện công việc hết mình, kết quả nghiệm thu thu hoạch cuối mùa có hợp tác xã, thôn và tổ diệt chuột đã cùng xác định có diện tích lúa bị chuột phá và diện tích lúa bị vàng lùn gây hại. Theo thỏa thuận trước đó nếu thiệt hại do chuột phá thì tổ diệt chuột phải đứng ra bồi thường cho dân 800.000 đồng/sào/vụ. Sau khi HTX, chính quyền thôn và tổ diệt chuột Họp ở nhà ông Phúc (thủ quỹ HTX) để thanh quyết toán chốt lại tổng thu tiền dân đóng và tổng chi bồi thường chuột phá hoại cho dân thì các thành viên tổ diệt chuột phải bồi thường thêm. Ông B, ông T, K không nhất trí việc bồi thường, hợp tác xã và thôn có động viên tổ diệt chuột tiếp tục thực hiện công việc vào vụ tiếp theo để bù cho thua lỗ nhưng ông B, ông K, ông T không đồng ý và bỏ tham gia công việc nông giang và diệt chuột. Quan điểm của bà L là thành viên tổ diệt chuột thì phải có trách nhiệm cùng các thành viên khác trong công việc lời ăn, lỗ chịu. Bà L không đồng ý với ý kiến của ông B, ông K, ông T về việc bỏ mồi diệt chuột tính theo ngày công. Đối với vấn đề bồi thường thiệt hại vụ mùa 2017, giữa bà và Hợp tác xã tự giải quyết với nhau, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Đình Th trình bày:* Xác định vụ mùa 2017, ông có tham gia cùng ông T, ông B, ông K làm công việc dẫn nước vào đồng ruộng, dọn vệ sinh máng cấp 2 thôn Ph và có tham gia vào tổ diệt chuột thôn Ph. Khi làm nông giang thì giữa hợp tác xã với các ông không ký văn bản, hợp đồng mà chỉ giao việc trực tiếp, thống nhất trả công hàng tháng, tiền dọn mương máng theo mét dài.

Đối với việc bỏ mồi đánh diệt diệt chuột: Phía hợp tác xã chỉ bảo tổ nông giang và bà L vào tham gia tổ diệt chuột để ngày công nó cao, không thấy nói gì đến việc bồi thường nếu chuột phá hại. Giữa hợp tác xã và các ông cũng không ký kết văn bản hợp đồng gì. Cuối vụ sau khi nghiệm thu xong, xác định diện tích chuột phá và diện tích bệnh vàng lùn. Thôn và hợp tác xã thông báo diện tích chuột phá hoại quá lớn, hợp tác xã đã giữ lại toàn bộ tiền công của 04 người làm nông giang để bù vào tiền bồi thường chuột phá hại. Quan điểm của ông Th là ông với ông Ph1 là anh em cọc chèo, ông Phong trưởng thôn cũng là người nhà, bà L là em H3 nên ông không muốn kiện cáo. Vì vậy, việc bồi thường chuột ăn và thanh toán các khoản tiền công dọn mương máng, dẫn nước giữa ông Th và Hợp tác xã tự thỏa thuận giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã H xác định:* Chủ trương liên quan đến nông giang, diệt chuột của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã H theo chủ

trương của Ủy ban nhân dân huyện S nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Việc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H và đại diện thôn Ph thỏa thuận đánh bắt chuột, chi phí, hạch toán trách nhiệm bồi thường do hợp tác xã với lãnh đạo thôn trực tiếp làm việcvới nhau, Ủy ban nhân dân xã chỉ đưa ra chủ trương chỉ đạo trong phạm vi cả xã. Vụ mùa 2017, trên địa bàn xã H và thôn Ph nói riêng có thiệt hại do chuột phá hoại, cụ thể thiệt hại, chi phí bồi thường do Hợp tác xã và hội đồng nghiệm thu xác định. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H hoạt động trên nguyên tắc lời ăn, lỗ chịu. Ông B, ông T, ông K là thành viên tổ diệt chuột thôn Ph, vụ mùa 2017 thôn Ph có thiệt hại do chuột ăn, do vậy, phải có trách nhiệm cùng với Hợp tác xã.

*- Tại biên bản xác minh với ông Phong, ông Vinh là Phó trưởng thôn xác định:* Trước năm 2017 chính quyền thôn thỏa thuận giao việc đánh bắt diệt chuột với anh Vinh (người thanh Hà) theo nguyên tắc chịu trách nhiệm toàn bộ, lời ăn, lỗ chịu. Hết vụ chiêm 2017 anh Vinh không làm nữa. Vụ mùa 2017, HTX dịch vụ nông nghiệp H ký hợp đồng dịch vụ với chính quyền thôn, theo đó chính quyền thôn thu 22.000đồng/sào/vụ để thanh toán cho hợp tác xã, còn hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức đánh bắt chuột và trả công cho người lao động; Trường hợp bị thiệt hại do chuột phá hoại thì hợp tác xã phải đền bù cho các hộ dân là 800.000 đồng/sào. Sau khi ký hợp đồng, hợp tác xã đã tổ chức các tổ diệt chuột tại các thôn, trong đó có thôn Ph. Tại buổi Họp của hợp tác xã với tổ diệt chuột thôn Ph tại nhà ông H3 thì có mặt ông K, B, T, Th, L, H3, Ph1 và một số người khác. Tại buổi Họp đều thống nhất trách nhiệm của tổ diệt chuột là lời ăn, lỗ chịu. Các thành viên trong tổ diệt chuột cùng có quyền lợi và trách nhiệm như nhau.

*- Những người làm chứng:*

Ông Kỳ xác định: Tại buổi Họp ngày 01/7/2017 âm lịch tại nhà ông H3, ông có tham gia nhưng không nắm được nội dung cuộc họp và không nắm được nội dung xác định trách nhiệm người giải mồi chuột phải bồi thường khi chuột phá hại.

Lời khai ông Phạm Bá Lóc, ông Sập ngày 12/4/2019 đều xác định: Vụ mùa 2017, UBND xã H giao cho HTX dịch vụ nông nghiệp H phối hợp với các thôn để thực hiện nhiệm vụ đánh bắt chuột thủ công vụ mùa 2017 kết hợp với HTX để thực hiện nhiệm vụ diệt chuột. Ngày 20/6/2017, ông Lóc, ông Sập, ông H3 ký hợp đồng giao khoán về việc đánh bắt chuột vụ mùa 2017, K ký hợp đồng ông Lóc, ông H3, ông Sập ký với tư cách đại diện bên nhận khoán, ông Lóc phụ trách thôn An Điền, ông H3 phụ trách thôn Ph, ông Sập phụ trách thôn Chi Đoan. Khi ký hợp đồng những người ký đều xác định trách nhiệm được ăn, lỗ chịu. Sau khi ký hợp đồng xong, các ông tự tổ chức nhân lực, mời người cùng tham gia vào tổ diệt chuột của thôn do mình phụ trách, việc thành lập và triển khai đến các thành viên ở tổ diệt chuột thôn Ph thế nào các ông không nắm rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Áp dụng: Điều 513, Điều 515, Điều 518, Điều 519, Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng

dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15; khoản 4,5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T và ông Tạ Văn B đối với yêu cầu thanh toán tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 và yêu cầu thanh toán tiền công dọn vệ sinh máng cấp 3:

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T, ông Tạ Văn B tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 và dọn vệ sinh máng cấp 3 tổng cộng số tiền là: 12.476.000đ. Trong đó: ông K là 5.188.000đ; ông T là 5.188.000đ; ông B là 2.100.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông B, ông K buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả tiền công bỏ mồi diệt chuột.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H. Buộc ông B, ông T, ông K phải bồi thường thiệt hại do chuột phá hại vụ mùa 2017 cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H là: 18.527.850đ (trong đó, mỗi ông phải bồi thường 6.175.950đ).

Đối trừ với số tiền công dẫn nước, tiền vệ sinh máng cấp 2, vệ sinh máng cấp 3 mà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả ông T, ông B, ông K: Buộc ông Tạ Văn B phải trả hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 4.075.950đ; Buộc ông Nguyễn Đình T phải trả Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 987.950đ; Buộc ông Trần Văn K phải trả Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 987.950đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm dân sự, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/6/2019, ông Trần Văn K, ông Tạ Văn B và ông Nguyễn Đình T kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm, về việc rải thức ăn (thóc) đã được trộn hóa chất ở ruộng lúa để diệt chuột. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy hoặc sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm bị kháng cáo; xem xét lại phần nội dung hợp đồng dịch vụ liên quan đến công việc rải thức ăn (thóc) đã được trộn hóa chất ở ruộng lúa để diệt chuột. Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã H thanh toán tiền công rải thức ăn (thóc) đã trộn hóa chất ở ruộng lúa để diệt chuột cho nguyên đơn với mức tiền công là: 18.000đ/sào.

***Tại phiên tòa phúc thẩm***: Nguyên đơn là các ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T, ông Tạ Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Việc nguyên đơn nhận rải thức ăn trộn hóa chất diệt chuột theo thỏa thuận với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H để hưởng công là 18.000đ/sào chứ không có thỏa thuận được ăn lỗ chịu, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn liên quan đến nội dung trên và buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền công rải thức ăn trộn hóa chất diệt chuột.

Đại diện bị đơn là ông Tống Thế Ph1 có quan điểm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

-*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử:* từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-*Về hướng giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử Phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Lời khai ông Tống Thế Ph1 trình bày: HTX đứng ra làm trọng tài giữa thôn và các tổ dịch vụ, HTX có ký Hợp đồng giao khoán về việc đánh bắt chuột thủ công vụ mùa năm 2017 đại diện của các tổ đánh bắt diệt chuột cụ thể là 3 tổ trên địa bàn của xã trong đó có tổ diệt chuột của thôn Ph. Mặc dù HTX ký hợp đồng với đại diện các tổ dịch vụ của các thôn nhưng HTX vẫn tổ chức các cuộc Họp triển khai từ tháng 3/2017 cho đến khi các tổ thực hiện công việc diệt chuột (đều có biên bản cuộc Họp). HTX đã triển khai đến các thôn để các thôn nắm bắt được kế hoạch, nhiệm vụ của tổ diệt chuột, tiền công được hưởng và tiền phải chịu, thời gian đánh chuột, khu đồng, phương pháp đánh bắt HTX đã giao cho các tổ phải chủ động. Liên quan đến việc diệt chuột: Công việc ngâm trộn thuốc, bỏ mồi, thời gian bỏ mồi, số lần bỏ mồi tùy thuộc vào tình hình chuột phá lúa. Tháng 9/2017, HTX họp triển khai nghiệm thu, khi nghiệm thu xong có đánh giá thiệt hại để báo cáo đảng ủy, ủy ban, phòng nông nghiệp và UBND huyện. Vụ mùa năm 2017, diện tích bị thiệt hại do chuột phá hoại của thôn Ph là 32.048m2. Sau khi thống nhất với các hộ dân thì thôn lập phương án đền bù với diện tích 31.418m2. Số tiền tổ dịch vụ nông nghiệp thôn Ph phải bồi thường sau khi đã trừ đi tiền công và tiền hỗ trợ của HTX còn phải1 bồi thường là 37.055.700đ. HTX xác địch trách nhiệm bồi thường thiệt hại do chuột phá lúa của các hộ dân là do tổ diệt chuột phải có trách nhiệm. Cụ thể tổ thôn Ph là có 6 ông cùng phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Lời khai ông K, ông T, ông B xác định các ông có tham gia vào công việc diệt chuột vụ mùa năm 2017 của thôn Ph. Ông Trần Văn H3 là trưởng ban kiểm soát của Hợp tác xã dịch vụ. Giữa ông H3 với HTX dịch vụ thỏa thuận với nhau về việc đong thóc, mua thuốc, ngâm thuốc và ủ mồi. Khi ông H3 ủ xong thuốc thì báo chúng tôi (gồm ông K là đội trưởng; ông T, ông Th, ông B và bà L là tổ viên) đến lấy mồi để đi thả mồi. Thôn Ph được chia ra làm 4 khu: ông K phụ trách khu Đồng Trong; ông B phụ trách khu Hòa Bình; tôi (ông T) phụ trách khu Đồng Ngoài và khu Đống Du; ông Th phụ trách khu 10 mẫu. Bà L là người hướng dẫn cách thức, phương pháp và giám sát việc thả mồi của anh em chúng tôi. Như vậy hợp đồng diệt chuột giữa HTX DVNN H với các tổ diệt chuột tuy chỉ được ký với đại diện của các thôn, trong đó có thôn Ph do ông Trần Văn H3 ký sau đó các thành viên trong tổ đều được trao đổi, thống nhất là nhận khoán với HTX được lãi thì ăn, lỗ thì chịu, nội dung trên được thông qua trong nhiều cuộc Họp tại nhiều địa điểm khác nhau như các đương sự trình bày. Như vậy có căn cứ xác định việc xác lập hợp đồng giao khoán diệt chuột giữa HTX DVNN H với các tổ diệt chuột.

[3] Từ các phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ đầy đủ và không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông B, ông K buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả tiền công bỏ mồi diệt chuột. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H. Buộc ông B, ông T, ông K phải bồi thường thiệt hại do chuột phá hại vụ mùa 2017 cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm căn cứ gì mới để chứng minh nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của TAND huyện S, tỉnh Hải Dương.

[4] Về án phí: Nội dung kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên Ph1 chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, tuy nhiên ông B, ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận  kháng cáo của ông Trần Văn K, ông Tạ Văn B và ông Nguyễn Đình T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 28/5/2019 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng: Điều 513, Điều 515, Điều 518, Điều 519, Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6

Điều 15; khoản 4,5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T và ông Tạ Văn B đối với yêu cầu thanh toán tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 và yêu cầu thanh toán tiền công dọn vệ sinh máng cấp 3;

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả ông Trần Văn K, ông Nguyễn Đình T, ông Tạ Văn B tiền công dẫn nước, dọn vệ sinh máng cấp 2 và dọn vệ sinh máng cấp 3 tổng cộng số tiền là: 12.476.000đ. Trong đó: ông K là 5.188.000đ; ông T là 5.188.000đ; ông B là 2.100.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông T, ông B, ông K buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả tiền công bỏ mồi diệt chuột.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H. Buộc ông B, ông T, ông K phải bồi thường thiệt hại do chuột phá hại vụ mùa 2017 cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H là: 18.527.850đ (trong đó, mỗi ông phải bồi thường 6.175.950đ).

Đối trừ với số tiền công dẫn nước, tiền vệ sinh máng cấp 2, vệ sinh máng cấp 3 mà Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải trả ông T, ông B, ông K: Buộc ông Tạ Văn B phải trả hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 4.075.950đ; Buộc ông Nguyễn Đình T phải trả Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 987.950đ; Buộc ông Trần Văn K phải trả Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H 987.950đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tạ Văn B, ông Nguyễn Đình T.

Buộc ông Trần Văn K phải nộp án phía dân sự sơ thẩm là 740.800đ.

Đối trừ với với số tiền tạm ứng án phí ông B, ông T, ông K đã nộp là 1.200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004362 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Trả lại ông B, ông T, ông K số tiền tạm ứng án phí là 459.200đ.

Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 809.000đ. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H đã nộp là 555.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004439 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp H còn phải nộp tiếp 254.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tạ Văn B và ông Nguyễn Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ 300.000 đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, theo biên lại thu số AA/2017/0004577 ngày 06/6/2019 do ông Tạ Văn B đại diện nộp. Ông Trần Văn K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 15/11/2019.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND huyện S;*
-*Chi cục THADS huyện S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**